

Số: 561 /TT-VMC

Cẩm Phả, ngày 19 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Quy chế công bố thông tin
trong Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC: Thông tư Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC: Thông tư Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Thông tư 68/2024/TT-BTC, ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Để thực hiện công tác công bố thông tin của Công ty phù hợp với các quy định hiện hành, Giám đốc Công ty đã giao cho Thư ký Công ty tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các nội dung Quy chế công bố thông tin trong Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN (dự thảo chi tiết kèm theo).

Giám đốc Công ty kính trình Hội đồng Quản trị Công ty xem xét thông qua và ban hành./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, Thư ký.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tuấn

Số: /QĐ-VMC

Cẩm Phá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin trong
Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN;
- Nghị quyết số /NQ-VMC ngày /02/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho các quyết định đã ban hành trước đây về việc công bố thông tin trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Điều 3. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, các tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐQT (e-copy);
- BKS, BGD (e-copy);
- Các tổ chức, đơn vị trong Công ty (e-copy);
- Lưu: Thư ký Công ty, TC-HC, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tú

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	2
QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Mục đích của Quy chế	2
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt	2
Điều 4. Các tài liệu liên quan	4
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin	4
Điều 6. Yêu cầu của báo cáo công bố thông tin	5
Điều 7. Phương tiện công bố thông tin.....	5
CHƯƠNG II	6
CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
Điều 8. Quy trình, chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	6
Điều 9. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng	6
Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin	7
Điều 11. Xử lý hành vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin	7
PHỤ LỤC 1	8
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
PHỤ LỤC 2	10
CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA	10
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN	10
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ	10
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG.....	13
C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU.....	19
D. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN	19
PHỤ LỤC 3	30
QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG HỆ THỐNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	30
PHỤ LỤC 4	33
NƠI GỬI BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	33

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VMC ngày .../.../2025
của Hội đồng quản trị Công ty)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của Quy chế

Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN được ban hành nhằm thống nhất quản lý hoạt động công bố thông tin theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

2.2. Đối tượng áp dụng:

- Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền Công bố thông tin của Công ty.
- Các Phòng/Đơn vị của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

1. Một số từ ngữ và chữ viết tắt trong Quy chế này được hiểu như sau:

1.1. Giải thích từ ngữ:

- a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.
- b) “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN;
- c) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp được quy định tại Mục 46, Điều 4, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29/11/2019 và Mục 23, Điều 4, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- d) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị của Công ty;
- e) “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty;
- f) “Giám đốc” là Giám đốc Công ty;
- g) “Người công bố thông tin” là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty;
- h) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm (05) phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

- i) “Hệ thống IDS” là hệ thống công bố thông tin của UBCKNN để thực hiện báo cáo và công bố thông tin bằng hình thức điện tử theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- j) “Hệ thống CIMS” là hệ thống công bố thông tin của SGDCCK Hà Nội để thực hiện báo cáo và công bố thông tin bằng hình thức điện tử theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- k) “Chứng thư số” là một cấu trúc dữ liệu chứa các thông tin cần thiết để thực hiện các giao dịch an toàn qua mạng. Chứng thư số được lưu giữ trên máy tính dưới dạng một tập tin (file). Nội dung chứng thư số gồm: Tên chủ thể chứng thư số; Khóa công khai; Một số thông tin khác như: tên của cơ quan chứng thực (CA) cấp chứng chỉ số đó, hạn dùng, thuật toán ký...; Chữ ký số của AC cấp chứng thư số đó. Mục đích của chứng thư số dùng để nhận diện một đối tượng khi tham gia giao dịch trên mạng;
- l) “Chữ ký số” là một dạng chữ ký điện tử được thiết kế theo các quy định của pháp luật về chữ ký số nhằm xác thực thông tin dữ liệu gửi qua hệ thống công bố thông tin được tạo bởi người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty;
- m) Website: Trang thông tin điện tử/cổng thông tin điện tử;
- n) Email: Thư điện tử.

1.2. Viết tắt:

- a) “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- b) “SGDCCK” là Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch;
- c) “TTLKCK” là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- d) Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Nghị định của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- e) Thông tư 123/2015/TT-BTC: Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- f) Thông tư 96/2020/TT-BTC: Thông tư Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- g) Thông tư 118/2020/TT-BTC: Thông tư Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- h) Thông tư 116/2020/TT-BTC: Thông tư Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.
- i) BCTC: Báo cáo tài chính;
- j) HĐQT: Hội đồng quản trị;
- k) ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông;

- l) Phòng KTTC: Phòng Kế toán - Tài chính Công ty;
- m) Ban PC: Ban Pháp chế Công ty.
- n) Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 4. Các tài liệu liên quan

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/ 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Thông tư 96/2020/TT-BTC: Thông tư Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Thông tư 118/2020/TT-BTC: Thông tư Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách Công ty đại chúng;

Thông tư 116/2020/TT-BTC: Thông tư Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Thông tư 68/2024/TT-BTC, ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN;

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

1. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn

01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

2. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 6. Yêu cầu của báo cáo công bố thông tin

1. Báo cáo phải được thực hiện đúng theo các biểu mẫu quy định của các cơ quan chức năng và gửi theo đúng phương thức được yêu cầu, đối với báo cáo bằng văn bản phải có đầy đủ dấu và chữ ký của người có thẩm quyền ký báo cáo.

2. Báo cáo công bố thông tin phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, đầy đủ, chính xác, kịp thời. Trường hợp thông tin được công bố không chính xác phải thực hiện đính chính thông tin.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK;
- d) Trang thông tin điện tử của TTLKCK;

e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty công bố thông tin bằng tiếng Anh theo hướng dẫn tại Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định hiện hành. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Anh thì nội dung công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo.

3. Công ty phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

4. Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

6. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCNNN, SGDCK.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Quy trình, chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy trình quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.

2. Chế độ báo cáo và công bố thông tin của công ty được quy định trong Phụ lục 2 đính kèm Quy chế này.

3. Đối với những quy định khác (tùy từng trường hợp) áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 9. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng

1. Trả lời phỏng vấn

- Việc cung cấp thông tin cho các phương tiện truyền thông đại chúng, trả lời phỏng vấn về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty phải do người đại diện cho Công ty được Chủ tịch Hội đồng quản trị/Giám đốc chỉ định/ủy quyền thực hiện. Trường hợp các thông tin này có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty thì phải tiến hành công bố thông tin đồng thời với việc cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng hoặc ngay sau khi người có thẩm quyền đã trả lời phỏng vấn báo chí.

- Trường hợp cán bộ, nhân viên Công ty hoặc người công bố thông tin được mời đích danh cho các cuộc phỏng vấn về những nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty thì phải báo cáo Chủ tịch hội đồng quản trị/Giám đốc đồng ý trước khi phỏng vấn và khi trả lời phỏng vấn phải nêu rõ các ý kiến trả lời là ý kiến cá nhân.

- Khi có bất kỳ các tổ chức, cá nhân nào cung cấp thông tin không chính thức làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty, phòng chuyên môn liên quan phải báo cáo

Giám đốc để xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông tin đó được công bố.

2. Đưa thông tin và các bài viết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Chỉ có Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người được chỉ định/ủy quyền là người có thẩm quyền đưa hoặc duyệt nội dung thông tin về các bài viết liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Tiếp nhận và xử lý các yêu cầu cung cấp thông tin của nhà đầu tư và các cơ quan hữu quan

Khi có yêu cầu cung cấp thông tin từ nhà đầu tư và các cơ quan hữu quan, bộ phận tiếp nhận yêu cầu chuyển đến Giám đốc để xử lý. Giám đốc sẽ căn cứ nội dung yêu cầu cung cấp thông tin để cung cấp thông tin theo yêu cầu hoặc chuyển cho các phòng chuyên môn liên quan báo cáo, cung cấp thông tin.

Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 11. Xử lý hành vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin

Phòng ban chức năng, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

DANH MỤC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

STT	Tên phụ lục, biểu mẫu
1	Phụ lục 1: Quy trình công bố thông tin
2	Phụ lục 2: Chế độ công bố thông tin
3	Phụ lục 3: Quy định về việc sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
4	Phụ lục 4: Nơi gửi báo cáo và công bố thông tin

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Văn Tứ

PHỤ LỤC 1

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

(kèm theo Quyết định số /QĐ-VMC, ngày /02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)

Bước 1. Lập Báo cáo công bố thông tin

1. Đối với các thông tin cần công bố định kỳ, bất thường (Mục A; Mục B; Mục D: Công bố thông tin về hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài - Phụ lục 2: “Chế độ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN”): Các phòng chuyên môn lập báo cáo theo quy định.

Đối với công bố thông tin định kỳ, các phòng chuyên môn chủ trì báo cáo phải lập và gửi báo cáo về Thư ký Công ty (người được ủy quyền CBTT) tổng hợp trước thời hạn công bố báo cáo 05 ngày làm việc.

Đối với công bố thông tin bất thường, các phòng chuyên môn chủ trì phải lập và gửi báo cáo về Thư ký Công ty trong vòng 04 giờ khi xảy ra các sự kiện cần công bố thông tin.

Trưởng các phòng chuyên môn phải kiểm tra và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tính trung thực, khách quan, đầy đủ, chính xác, kịp thời của báo cáo do phòng mình phụ trách lập và cung cấp.

2. Đối với các thông tin cần công bố theo yêu cầu (Mục C - Phụ lục 2: “Chế độ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN”): Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc được phân cấp/ủy quyền) sẽ chuyển đến các phòng chuyên môn xử lý. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các phòng chuyên môn sẽ lập báo cáo theo yêu cầu, gửi đến Thư ký Công ty tổng hợp.

3. Đối với các thông tin cần công bố liên quan đến Giao dịch của Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của Người nội bộ; Sở hữu cổ phiếu của Cổ đông lớn; Giao dịch của Cổ đông sáng lập trong thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng: Các đối tượng liên quan phải lập báo cáo theo quy định tại Mục D - Phụ lục 2: “Chế độ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN” gửi Văn phòng Công ty và Thư ký Công ty.

Bước 2: Tổng hợp báo cáo và công bố thông tin:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với báo cáo công bố thông tin định kỳ và trong thời hạn 04 giờ đối với các báo cáo còn lại khi nhận được các báo cáo nêu tại **Bước 1**, Thư ký Công ty có trách nhiệm tổng hợp, trình Người đại diện theo pháp luật (hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty) để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật về nội dung và thời hạn công bố thông tin.

Trưởng các phòng chuyên môn có trách nhiệm giải trình nội dung báo cáo nếu có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.


Bước 3. Trách nhiệm của các bên liên quan:



1. Văn thư hoặc Thư ký Công ty phát hành báo cáo công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về thời hạn công bố thông tin.
2. Người quản lý Website của Công ty (Thư ký Công ty) đăng báo cáo công bố thông tin trên Website của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về thời hạn công bố thông tin.
3. Ban PC Công ty theo dõi các thông tin đã báo cáo, công bố trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, VSD, Website của Công ty và chủ động liên hệ với phụ trách tại các cơ quan trên khi thấy thông tin đã gửi bị chậm công bố.

Bước 4. Bảo quản và lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố

Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm. 

PHỤ LỤC 2
CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

(kèm theo Quyết định số /QĐ-VMC, ngày /02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)

A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Stt	Nội dung	Hình thức	Nơi nhận	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu báo cáo	Ghi chú	Bộ phận chủ trì báo cáo
1	Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC		TV HDQT chuyên trách, Thư ký
2	Báo cáo về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Trường hợp huy động vốn để thực hiện đầu tư).	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Khoản 1 Điều 9 và Mẫu số 01, Nghị định 155/2020/NĐ-CP		“
3	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	SGDCK	Chậm nhất là ngày 30/07	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.		Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6.	“
4	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng cuối năm.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	SGDCK	Chậm nhất là ngày 31/01 năm tiếp theo	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.		Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12.	“
5	Báo cáo tài chính Quý	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Hoặc trong trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán		Phải đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại	Phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp BCTC quý được	Phòng KTTC

				ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý		điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư này;	soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.	
6	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.		Phải đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “BCTC giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC;	Phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.	Phòng KTTC
7	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh, theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.		Phòng KTTC

8	Báo cáo tài chính năm	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh, theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.		Phòng KTTTC
9	Báo cáo thường niên	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC		TV HĐQT chuyên trách, Thư ký, các phòng chức năng
10	Báo cáo tình hình quản trị Công ty (năm)	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC		TV HĐQT chuyên trách, Thư ký
11	Họp ĐHĐCĐ thường niên	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.			TV HĐQT chuyên trách, Thư ký, các phòng chức năng

				bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

Lưu ý:

- Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.
- Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

STT	Nội dung	Hình thức	Nơi nhận	Mẫu báo cáo	Ghi chú	Bộ phận chủ trì báo cáo
BÁO CÁO/CBTT TRONG THỜI HẠN 24H (Kể từ thời điểm phát sinh dự kiến, không phụ thuộc ngày làm việc hay ngày nghỉ)						
I	CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/HĐQT					
1	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			

	sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;					
2	Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
3	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
4	Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
5	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
6	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			

	sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán;					
7	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
8	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;; - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua công ty chứng khoán; Công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin. 	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
9	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
II	CÓ BIẾN ĐỘNG VỀ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT					

24

1	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Gửi bản cứng đến UBCKNN, SGDCK trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin.	Thư ký, cá nhân liên quan
					Đăng bản mềm UBCKNN, SGDCK kèm theo quyết định/nghị quyết về việc thay đổi nhân sự trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết.	
2	Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	SGDCK		Gửi SGDCK trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.	
3	Có quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
III THAY ĐỔI QUAN TRỌNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
1	Khi có các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tình hình quản trị công ty;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
2	Thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
3	Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Gửi kèm theo bản sao hợp lệ.	

4	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
5	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
6	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
7	Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
8	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
9	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ					
10	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính					

	bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ)					
11	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)					
CBTT BẤT THƯỜNG KHÁC						
1	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: Báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, SGDK, báo cáo UBCKNN, đồng thời CBTT chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
2	Trường hợp hợp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định đối với hợp ĐHĐCĐ thường niên.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
3	Trường hợp lấy ký kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên Website của mình, đồng thời gửi cho tất cả cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
4	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
5	Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty đại chúng công bố BCTC sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			

	theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;						
6	Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố BCTC khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK				

C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Stt	Nội dung	Thời gian báo cáo	Hình thức	Nơi nhận	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận chủ trì báo cáo
1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 h kể từ khi nhận được yêu cầu của	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Trong thời hạn 24 h kể từ khi nhận được yêu cầu của	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.		Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).	
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó;	UBCKNN, SGDCK, TTLKCK			UBCKNN, SGDCK, TTLKCK				

D. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Stt	Nội dung	Thời gian báo cáo/CBTT	Hình thức	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận thực hiện
CBTT VỀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ							
1	Khi dự kiến giao dịch Cổ phiếu, quyền mua	Người nội bộ phải CBTT trước ngày	Văn bản giấy	UBCKNN SGDCK	Đối với Cổ phiếu/Chứng chỉ	Chỉ được bắt đầu tiến hành giao dịch sau 24h	Người thực hiện giao dịch (cổ đông nội bộ)

	cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không qua hệ thống giao dịch của SGDCCKHN (cho hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng Cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...)	thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc; Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan, Công ty phải công bố trên website của Công ty.	Văn bản điện tử		quỹ: Phụ lục XIII Thông tư 96/2020/TT-BTC; Đối với Trái phiếu chuyển đổi, quyền mua Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ: Phụ lục XIV Thông tư 96/2020/TT-BTC.	kể từ khi có CBTT từ phía SGDCCK; Thời hạn giao dịch không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ của Công ty và người liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.	hoặc người có liên quan).
2	Hoàn tất giao dịch	Người nội bộ phải CBTT trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký; Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan, Công ty phải công bố trên website của Công ty.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCCK	Đối với Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ: Phụ lục XV Thông tư 96/2020/TT-BTC; Đối với Trái phiếu chuyển đổi, quyền mua Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ: Phụ lục XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC		Người thực hiện giao dịch (cổ đông nội bộ hoặc người có liên quan).
3	Trường hợp không thực hiện giao dịch như đã thông báo hoặc	Người nội bộ phải CBTT trong vòng 05 ngày kể từ ngày	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCCK		Trình bày lý do không thực hiện được giao dịch	Người thực hiện giao dịch (cổ đông nội bộ hoặc người có liên quan).

9/4

	không thực hiện hết khối lượng đăng ký	kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch; Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan, Công ty phải công bố trên website của Công ty.					
4	Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định như đối với người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này.	Người thực hiện giao dịch (cổ đông nội bộ hoặc người có liên quan).
4	Trường hợp cổ đông nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ và người có liên quan.	Người thực hiện giao dịch (cổ đông nội bộ hoặc người có liên quan).
5	Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Phải thực hiện CBTT như quy định đối với người nội bộ.	Tổ chức thực hiện giao dịch.

CBTT VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

(Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết Công ty)



1	Khi trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn	Cổ đông lớn phải CBTT cho Công ty, UBCKNN, SGDCK	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC	Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC	Cổ đông lớn.
2	Khi có giao dịch hoặc không có giao dịch nhưng làm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá 1% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành tính từ đợt báo cáo gần nhất.	trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có sự thay đổi. Công ty phải CBTT trên website trong thời hạn 03 ngày sau khi nhận được báo cáo liên quan			Phụ lục VIII Thông tư 96/2020/TT-BTC		Cổ đông lớn.
CBTT VỀ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TRONG THỜI HẠN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG							
1	Trước khi giao dịch.	Cổ đông sáng lập phải CBTT chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục XI Thông tư 96/2020/TT-BTC	Kèm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ chấp thuận việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập	Cổ đông sáng lập
2	Báo cáo kết quả thực hiện giao dịch.	Cổ đông sáng lập phải CBTT trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục XII Thông tư 96/2020/TT-BTC	Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập, Công ty phải công bố trên website của Công ty.	Cổ đông sáng lập
3	Báo cáo lý do giao dịch không thực hiện.	Cổ đông sáng lập phải CBTT trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Cổ đông sáng lập
CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH							
1	Báo cáo và công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán ra công chúng						

1.1	Công bố thông tin về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 41, Nghị định 155/2020/NĐ-CP IDS-20.		
1.2	Công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 19 và Phụ lục 5, Thông tư 96/2020/TT-BTC; IDS-21.		
1.3	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 5 và Phụ lục 21, Thông tư 118/2020/TT-BTC; IDS-24.		
1.4	Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 5 và Phụ lục 22, Thông tư 118/2020/TT-BTC.		
1.5	Báo cáo thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, tổ chức phát hành có trách nhiệm sau: Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Khoản 5 Điều 9 và Mẫu số 04 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Điều 9, khoản 3, NĐ 155/2020/NĐ-CP Mẫu số 02 Phụ lục		

		nước về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;					
2	Báo cáo và công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu						
2.1	Công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	Ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 69 ND 155/2020/NĐ-CP		
2.2	Công bố thông tin phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.	Ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 69, Nghị định 155/2020/NĐ-CP		
2.3	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 5 và Phụ lục 28, Thông tư 118/2020/TT-BTC; Điều 41, khoản 7, Nghị định 155/2020/NĐ-CP Mẫu số 16, 155/2020/NĐ-CP IDS-17 / IDS18;		
2.4	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 5 và Phụ lục 29, Thông tư 118/2020/TT-BTC.		

24

	cho người lao động trong công ty	mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động.					
3	Báo cáo và công bố thông tin mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ						
3.1	Công bố thông tin mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại/bán cổ phiếu quỹ	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 13 và Phụ lục 36, Thông tư 118/2020/TT-BTC.		
3.2	Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua/bán lại cổ phiếu quỹ theo quy định tại khoản 1, điều 13 tt118/2020/TT-BTC Công ty đại chúng phải gửi Báo cáo kết quả giao dịch mua/bán cp quỹ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 13 và Phụ lục 29, Thông tư 118/2020/TT-BTC;		
3.3	Thông báo quyết định của Công ty về việc thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày có quyết định.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 11, Phụ lục 37, Tt 118/2020/TT-BTC		
3.4	Thông báo thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 11, Phụ lục 38, TT 118/2020/TT-BTC		

4	Báo cáo và công bố thông tin về chào mua công khai						
4.1	Công bố thông tin chào mua công khai	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 93, khoản 1 NĐ 155/2020/NĐ-CP		
4.2	Báo cáo kết quả chào mua công khai	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Mẫu phụ lục số 33, tt 118/2020/TT-BTC IDS-15.		
4.3	Thay đổi phương án chào mua công khai		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
	Điều chỉnh giá chào mua công khai	Ít nhất 07 ngày trước ngày cuối cùng nhận đăng ký bán.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 91 NĐ 155/2020-NĐ-CP	1. Đối với trường hợp chào mua công khai thanh toán bằng tiền a) Giá chào mua không được thấp hơn bình quân giá tham chiếu của 60 ngày giao dịch liền trước ngày gửi giấy đăng ký chào mua công khai và không thấp hơn giá mua cao nhất của các đợt chào mua công khai đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của công ty mục tiêu, quỹ đầu tư	



						<p>mục tiêu trong thời gian này;</p> <p>b) Trong quá trình chào mua công khai, tổ chức, cá nhân chào mua công khai không được điều chỉnh giảm giá chào mua công khai;</p> <p>2. Đối với trường hợp chào mua công khai bằng cổ phiếu phát hành, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông của tổ chức chào mua công khai thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định này.</p>	
Rút lại đề nghị chào mua.					Điều 92 NB 155/2020/NĐ-CP		
		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Báo cáo về việc rút lại đề nghị chào mua.		
	Trong thời hạn 24 giờ sau khi nhận được công văn chấp thuận của UBCKNN.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	SGDCK		Báo cáo nhận được công văn chấp thuận của UBCKNN.		
	Sau khi được UBCKNN chấp thuận.		01 trang báo điện tử hoặc 01 tờ báo viết		Công bố thông tin về việc rút lại đề nghị chào mua.	Công bố trong 3 số liên tiếp.	

	Tiếp tục chào mua công khai	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 94 NĐ 155/2020/NĐ-CP		
4.5	Công ty có cổ phiếu bị chào mua công khai.	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua	Văn bản giấy Văn bản điện tử	SGDCK	Công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua		
			Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN	Ý kiến của HĐQT và phải nêu rõ đánh giá của HĐQT đối với việc chào mua cổ phiếu	Trường hợp có ý kiến thành viên HĐQT khác với đánh giá của HĐQT phải công bố kèm theo ý kiến này.	
5	Báo cáo và công bố thông tin về phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài						
5.1	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục 32, Thông tư 118/2020/TT-BTC.		
5.2	Công bố thông tin về hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			
6	Báo cáo và công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam						
6.1	Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục số 32 Thông tư 118/2020/TT-BTC	Gửi kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN	

24

6.2	Báo cáo thay đổi (điều chỉnh) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán tại nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Khoản 3 Điều 9 và Mẫu số 02, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.		
7	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ						
7.1	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Trong vòng 10 ngày kể từ khi hoàn thành đợt chào bán	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục số 23 Thông tư 118/2020/TT-BTC	Gửi kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN.	
7.2	Báo cáo thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Khoản 3 Điều 9 và Mẫu số 02, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.		
CBTT VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI							
1	Thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này.	Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 141 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC.					

PHỤ LỤC 3

**QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG HỆ THỐNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

(kèm theo Quyết định số /QĐ-VMC, ngày /02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)

1. Các yêu cầu chung

1.1. Công ty sử dụng tài khoản do UBCKNN cấp và chữ ký số có giá trị pháp lý tương đương con dấu của Công ty để thực hiện báo cáo và công bố thông tin điện tử trên Hệ thống IDS Plus.

1.2. Công ty phải đăng ký thông tin về người phụ trách công bố thông tin của Công ty với UBCKNN theo mẫu tại Phụ lục 02 Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN ban hành kèm theo Quyết định số 296/QĐ-UBCK ngày 31/03/2017. Khi có thay đổi về người công bố thông tin, Công ty phải cập nhật trên Hệ thống IDS Pro và chịu trách nhiệm về các thay đổi này.

1.3. Công ty phải đăng ký thông tin về chứng thư số của Công ty, cập nhật các thông tin liên quan đến Công ty trên Hệ thống IDS Pro ngay sau khi đăng nhập hệ thống. Khi có thay đổi về các thông tin nêu trên, Công ty phải cập nhật trên Hệ thống IDS Pro và chịu trách nhiệm về các thay đổi này.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Máy tính sử dụng để gửi báo cáo và công bố thông tin:

- Máy tính sử dụng một trong các trình duyệt Internet Explorer hoặc Firefox hoặc Chrome.

- Máy tính phải được kết nối internet.

2.2. Thiết bị lưu chứng thư số công cộng (Token) do nhà cung cấp dịch vụ chứng thư số công cộng cấp cho Công ty.

3. Định dạng file báo cáo

- File biểu mẫu của báo cáo và công bố thông tin được định dạng file Excel và sử dụng các file biểu mẫu được tải về từ Hệ thống IDS Pro, đảm bảo thứ tự của các cột, các ô theo đúng file biểu mẫu quy định.

- File đính kèm phải được định dạng file PDF.

4. Định dạng font chữ

Thông tin nhập vào Hệ thống IDS Pro phải sử dụng Tiếng Việt với font chữ Unicode TCVN 6909:2001.

5. Đặt tên file

5.1. Tên biểu mẫu báo cáo được đặt theo định dạng sau:

<Mã báo cáo>_<Tên báo cáo>_<Kỳ báo cáo>

Trong đó:

- <Mã báo cáo>: Là biểu mẫu excel được quy định sẵn trên Hệ thống IDS Plus, người dùng không được thay đổi mã báo cáo.

- <Tên báo cáo>: Tên do người dùng đặt thể hiện vắn tắt nội dung báo cáo.

- <Kỳ báo cáo>: Quý, Năm.

Ví dụ: “IDS-11.3_BaoCaoTaiChinh_Quy”.

5.2. Tên file đính kèm được đặt theo tên các báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Điều 14 Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN ban hành kèm theo Quyết định số 296/QĐ-UBCK ngày 31/03/2017.

6. Thông tin báo cáo và công bố qua Hệ thống IDS Plus: bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 14 Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN ban hành kèm theo Quyết định số 296/QĐ-UBCK ngày 31/03/2017.

7. Nghĩa vụ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo

Việc công bố thông tin của công ty đại chúng qua Hệ thống IDS Pro được xác định đồng thời hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo.

7.1. Các bước gửi báo cáo và công bố thông tin:

Bước 1: Truy cập địa chỉ <http://ids.ssc.gov.vn>.

Bước 2: Đăng nhập Hệ thống IDS bằng tài khoản đã được cấp.

Bước 3: Trên màn hình gửi báo cáo, người dùng nhập dữ liệu vào các trường (các trường có dấu * là bắt buộc nhập), đính kèm file báo cáo.

Bước 4: Ký số tài liệu báo cáo theo hướng dẫn tại Mục 7.2.

Bước 5: Kích Gửi báo cáo.


7.2. Ký số tài liệu báo cáo: Công ty có thể chọn một trong hai hình thức ký số tài liệu báo cáo như sau:

- Ký số offline: Ký số tài liệu báo cáo bằng công cụ ký số của nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số trước khi tải file tài liệu báo cáo vào Hệ thống IDS Plus.
- Ký số tài liệu báo cáo trực tiếp trên Hệ thống IDS Pro.

8. Xử lý sự cố

8.1. Trường hợp hệ thống của Công ty có sự cố dẫn đến không gửi được báo cáo, Công ty thông báo cho UBCKNN ngay trong ngày làm việc.

8.2. Trường hợp hệ thống của Công ty gặp sự cố nêu tại Mục 8.1, Công ty gửi báo cáo bằng văn bản (ngoài phong bì ghi rõ: Tài liệu báo cáo công bố thông tin) hoặc file điện tử có chữ ký số đến địa chỉ nêu tại Phụ lục 4 đính kèm Quy chế này. Trong trường hợp này, thời gian nhận thông tin công bố bằng văn bản được xác định theo dấu bưu điện; thời gian nhận thông tin công bố qua Email được xác định theo thời gian nhận được email hiển thị trên phần mềm nhận thư.

Sau khi sự cố được khắc phục, Công ty thông báo theo các hình thức nêu tại Mục 8.1 ngay trong ngày làm việc và Công ty gửi lại báo cáo điện tử qua Hệ thống IDS Pro. 

8.3. Trường hợp UBCKNN từ chối báo cáo của Công ty, Công ty phải gửi lại báo cáo chính xác cho UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được thông báo của UBCKNN.

9. Lưu trữ văn bản điện tử đã được ký số


- Văn bản điện tử đã được ký số phải được lưu trữ tập trung trên thư mục của Ban PC&QHCD, được sao lưu định kỳ 6 tháng/lần.

- Văn bản cùng các tài liệu, hồ sơ đã được gửi, Văn phòng (Văn thư) có trách nhiệm lưu trữ riêng theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

10. Bảo quản chứng thư số:

- Chứng thư số được lưu trữ trong thiết bị VNPT-AC Token.

- Khóa bí mật, các dữ liệu trong Token được bảo quản theo chế độ “Mật”.

- Trong trường hợp phát hiện hoặc nghi ngờ chứng thư số, khóa bí mật không còn an toàn, Token bị thất lạc, Công ty phải thông báo ngay cho đơn vị cung cấp chứng thư số và thực hiện theo chỉ dẫn. 

PHỤ LỤC 4

NƠI GỬI BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(kèm theo Quyết định số /QĐ-VMC, ngày /02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)

Stt	Tổ chức	Địa chỉ	Điện thoại	Phụ trách	Email	Điện thoại
1	UBCKNN	Tòa nhà D, 234 Lương Thế Vinh, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.	04.3934.0750	Kỹ thuật: Cục Công nghệ thông tin	hotroids@ssc.gov.vn	04.3934.0750 (máy lẻ 629 hoặc 630); 04.3935.0177; 04.3926.2545.
				Nghiệp vụ: Vụ giám sát công ty đại chúng Vụ quản lý chào bán chứng khoán	giamsatdaichung@ssc.gov.vn quanlychaoban@ssc.gov.vn	04.3934.0750 máy lẻ 503. 04.3934.0750 máy lẻ 609.
2	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	Số 112 Hoàng Quốc Việt, P, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	(04) 9747 123			
3	SGDCK TP Hà Nội	Số 2 Phan Chu Trinh, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	(84-24) 39360750; (84-24) 39412626			